

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65 / 2018/HNGĐ - ST

Ngày: 30 – 7 – 2018

V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1972

Địa chỉ cư trú: số 122/12 ấp A, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị B, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Quốc T trình bày: Anh và chị Đặng Thị B trên cơ sở quen biết đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì thường phát sinh mâu thuẫn do chị B không lo làm ăn. Anh và chị B đã không còn sống chung với nhau từ năm 2012 đến nay. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Đặng Thị B

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thụy Tường V, sinh năm 1995, Trần Quốc N, sinh ngày 04/3/2000, Trần Quốc Đ, sinh ngày 04/3/2000. Các con hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đặng Thị B vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ và cũng không gửi bản khai ý kiến cho Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Trần Quốc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì thêm.

- Bị đơn chị Đặng Thị B vắng mặt không có lý do

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đặng Thị B vắng mặt tại các phiên hòa giải cho đến phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Đặng Thị B

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị B tiến đến hôn nhân vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị B. Xét quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị B không có đăng ký kết hôn, đã vi phạm Điều 9 của luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị B.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thụy Tường V, sinh năm 1995, Trần Quốc N, sinh ngày 04/3/2000, Trần Quốc Đ, sinh ngày 04/3/2000 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trần Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 9, 14, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Quốc T và chị Đặng Thị B

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Thụy Tường V, sinh năm 1995, Trần Quốc N, sinh ngày 04/3/2000, Trần Quốc Đ, sinh ngày 04/3/2000 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Trần Quốc T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001400 ngày 26/03/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Anh T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm nên không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện